

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HS-ST
Ngày 17 – 9 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Khuru Liên Dung**
2. Ông **Võ Minh Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Hải Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn Ú (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1983, tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp B, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lý Văn P, sinh năm 1950 và bà Đặng Thị L, sinh năm 1950; anh, chị, em ruột gồm có 07 người; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 và có 04 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tạm giam đến nay. (Có mặt)

2. Châu Văn Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 21/6/1988, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau); Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Châu Văn C, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; anh, chị, em ruột gồm có 05 người; chung sống như vợ chồng với Phan Thị Thanh P1, sinh năm 1990 (hiện không còn sống chung) và có 01 người con; tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 86/HSST ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 05 năm tù về

tội cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2009; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2024 đến ngày 27/12/2024 tạm giam đến nay. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn Ú:* Ông Phạm Quang C1, sinh ngày 03/02/1964. Là Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. Địa chỉ: số D L, khóm E, phường B, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lý Thành C2, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp B, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp B, xã P, tỉnh Cà Mau). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 18/12/2024, bị cáo Lý Văn Ú đang ở nhà tại ấp B, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) thì người tên Ú (không rõ nhân thân) sử dụng số điện thoại 0849427941 gọi vào số điện thoại 0328620172 của bị cáo Ú kêu lại tiệm rửa xe tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường G, tỉnh Cà Mau) để lấy bạch ma túy đi thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau) giao cho khách sẽ được trả tiền công 500.000 đồng, đồng thời cho bị cáo Ú số điện thoại 0888080652 của người mua ma túy. Lúc này, bị cáo Châu Văn Đ đang ở cùng với bị cáo Ú và nghe được nội dung cuộc gọi nên bị cáo Đ hỏi bị cáo Ú cho đi cùng thì bị cáo Ú đồng ý. Sau đó, bị cáo Ú điều khiển xe mô tô biển số 49V2 - 2148 chở bị cáo Đ đi gặp người tên Ú. Khi đến nhà thờ G, thuộc ấp A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường G, tỉnh Cà Mau), bị cáo Đ xuống xe đợi, còn bị cáo Ú chạy xe đến gặp người tên Ú nhận một bạch ma túy quấn bên ngoài bằng băng keo hai mặt màu trắng, bị cáo Ú cầm trên tay trái rồi quay xe ra rước bị cáo Đ. Bị cáo Ú đưa bạch ma túy cho bị cáo Đ cầm và điều khiển xe chở bị cáo Đ đi thành phố B giao ma túy. Khi đến đường B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường B, tỉnh Cà Mau), bị cáo Ú gọi điện cho người mua ra nhận ma túy thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, bắt quả tang. Bị cáo Đ bỏ chạy và vứt bạch ma túy xuống mặt đường cạnh dây phân cách, nhưng bị bắt giữ lại, cùng tang vật có liên quan.

Tại Kết luận giám định số: 158/KL-KTHS ngày 26/12/2024, của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: *“Chất rắn màu trắng, dạng tinh thể được chứa trong 01 (một) bạch nylon (kí hiệu M) là chất ma túy; loại Methamphetamine; có khối lượng là 9,68973 gam.”*

Tại Cáo trạng số: 22/CT-VKS-HS ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Lý Văn Ú và Châu Văn Đ về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo Châu Văn Đ như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo Châu Văn Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn Ú từ 08 năm đến 09 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Châu Văn Đ từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong, trên gói niêm phong có chữ ký ghi tên Quách Thanh T1 và 04 (bốn) dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B cùng dòng chữ “158/GĐMT-2024”. Gói niêm phong còn nguyên vẹn (khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 9,68202 gam, các vỏ phong bì, vỏ bọc nylon); 01 đoạn băng keo màu trắng. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, mặt sau có chữ Masstel, tình trạng tắt nguồn; Trả lại cho anh Lý Thành C2 01 (một) xe máy màu xám, gắn biển số 49V2-2148, tình trạng xe đã qua sử dụng.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo Châu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội và đề xuất của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Ú thống nhất về tội danh và hình phạt theo luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, do bị cáo Ú có hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, học vấn thấp, không nhận thức pháp luật, bị cáo Ú đang sống bên gia đình vợ thuộc diện hộ nghèo và có 04 con nhỏ do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo Ú tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phạm tội do lạc hậu theo quy định tại điểm g, m khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo Ú có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Ú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 13 giờ 10 phút, ngày 18/12/2024, tại đường B, khóm B, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau), bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo Châu Văn Đ có hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 9,68973 gam thì bị bắt quả tang.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 9,68973 gam với lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số: 22/CT-VKS-HS ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây tác hại cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử lý với mức hình phạt tương xứng với mức độ tội phạm đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức được sai phạm nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, bị cáo Ú là người liên lạc nhận ma túy, liên hệ người mua nên vai trò của bị cáo Ú cao hơn bị cáo Đ. Tuy nhiên, xét nhân thân của bị cáo Đ vào ngày 12/9/2006 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 05 năm tù về tội cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 01/9/2009, đã được xóa án tích nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) gói niêm phong, trên gói niêm phong có chữ ký ghi tên Quách Thanh T1 và 04 (bốn) dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B cùng dòng chữ "158/GĐMT-2024". Gói niêm phong còn nguyên vẹn (khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 9,68202 gam, các vỏ phong bì, vỏ bọc nylon) là vật cấm tàng trữ nên tịch thu và tiêu hủy; 01 đoạn băng keo màu trắng do không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, mặt sau có chữ Masstel, tỉnh

trạng tắt nguồn là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; 01 (một) xe máy màu xám, gắn biển số 49V2-2148, tình trạng xe đã qua sử dụng là tài sản của anh C2 quản lý hợp pháp nên trả lại cho anh C2.

[8] Như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ áp dụng cho bị cáo Ú tình tiết giảm nhẹ phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phạm tội do lạc hậu theo quy định tại điểm g, m khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Ú như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Ú. Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Ú và bị cáo Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo Châu Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lý Văn Ú 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 18/12/2024.

Xử phạt bị cáo Châu Văn Đ 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 18/12/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong, trên gói niêm phong có chữ ký ghi tên Quách Thanh T1 và 04 (bốn) dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B cùng dòng chữ “158/GĐMT-2024”. Gói niêm phong còn nguyên vẹn (khối lượng ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định là 9,68202 gam, các vỏ phong bì, vỏ bọc nylon); 01 đoạn băng keo màu trắng.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, mặt sau có chữ Masstel, tình trạng tắt nguồn.

Trả lại cho anh Lý Thành C2: 01 (một) xe máy màu xám, gắn biển số 49V2-2148, tình trạng xe đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/9/2025).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lý Văn Ú và bị cáo

Châu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CQCSĐT Công an tỉnh Cà Mau;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến Ly